

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Duy Minh Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Thái Thục Hiền**

2. Bà Đoàn Văn Rỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Trinh – Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Sinh – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 990/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022, về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 407/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 311/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/12/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ánh N; Sinh năm 1985;

Nơi cư trú: Số 199/14/9 đường A, Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn T; Sinh năm 1980;

Nơi cư trú cuối cùng: Số 199/14/9 đường A, Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;

Ông Huỳnh Văn T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích theo Quyết định số 326/2022/QĐST-DS ngày 16/8/2022 của Tòa án nhân dân Quận 8

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh N trình bày:

Bà N và ông Huỳnh Văn T kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 49, quyển số 01/2009, đăng ký ngày 12/5/2009.

Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do giữa bà N và ông T bất đồng quan điểm sống, bất đồng về suy nghĩ và cách giải quyết các vấn đề trong cuộc sống vợ chồng. Mặc dù đã nhiều lần tự hoà giải, hàn gắn nhưng mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng hơn, giữa vợ chồng không còn tiếng nói chung, không chia sẻ được các vấn đề trong cuộc sống gia đình. Đến năm 2018, ông T đã tự bỏ nhà đi, cắt đứt mọi liên lạc với gia đình từ năm 2018, bỏ mặc con nhỏ mới 04 tuổi cho bà N một mình chăm sóc. Sau đó, bà N đã làm đơn yêu cầu Toà án nhân dân Quận 8 tuyên bố mất tích đối với ông T và đã được Toà án chấp nhận yêu cầu theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 326/2022/QĐST-DS ngày 16/8/2022, nên hiện nay cả hai đã không còn sống chung. Nhận thấy, Ông T không có trách nhiệm với gia đình, bỏ gia đình vợ con đi đâu không rõ tung tích từ năm 2018 cho đến nay dù bà N cũng đã tìm mọi cách liên lạc qua gia đình người thân nhưng vẫn không có kết quả. Vì vậy, bà N nộp đơn đến Toà án nhân dân Quận 8 để yêu cầu:

Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn ông Huỳnh Văn T.

Về con chung: Có một con chung tên: Huỳnh Nguyễn Anh B, sinh ngày 09/10/2014.

Sau khi ly hôn, bà N có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung Anh B, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà N tự xác định giữa bà N và ông T không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Bà N tự xác định giữa bà N và ông T không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với ông Huỳnh Văn T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích theo Quyết định số 326/2022/QĐST-DS ngày 16/8/2022 của Toà án nhân dân Quận 8 đã có hiệu lực pháp luật và xác định nơi cư trú cuối cùng của ông T tại địa chỉ Số 199/14/9 đường B, Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, Tòa án không hòa giải theo thủ tục chung. Kể từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng liên quan đến việc giải quyết vụ án và tại phiên toà xét xử công khai sơ thẩm, ông Huỳnh Văn T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án

không thu thập được tài liệu, chứng cứ, bản tự khai của ông T. Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ do N đơn cung cấp để xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và xét xử, Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, về thời hạn giải quyết vụ án đảm bảo theo quy định của pháp luật, N đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn ông Huỳnh Văn T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, vì vậy việc xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa hôm nay thì nhận thấy giữa bà N và ông T có mâu thuẫn trầm trọng, ông T đã bỏ đi khỏi địa phương nơi cư trú và đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ánh N, cho bà Nguyễn Thị Ánh N được ly hôn với ông Huỳnh Văn T; Về con chung: Cần giao con chung Huỳnh Nguyễn Anh B, sinh ngày 09/10/2014 cho bà N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết. Bà N phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, do ông Huỳnh Văn T bị tuyên bố mất tích nên căn cứ vào đơn đề nghị không tiến hành hoà giải, Tòa án không tiến hành hòa giải, chỉ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định xét xử vắng mặt bị đơn sau khi đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 207, 227 Bộ luật tố tụng Dân sự

Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Ánh N có đơn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ánh N thì đây là tranh chấp ly hôn theo yêu cầu một bên, do bị đơn là ông Huỳnh Văn T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích theo Quyết định số 326/2022/QĐST-DS ngày 16/8/2022 của Tòa án nhân dân

Quận 8 đã có hiệu lực pháp luật và xác định nơi cư trú cuối cùng của ông T tại địa chỉ Số 199/14/9 đường A, Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Bà N và ông Huỳnh Văn T kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 49, quyển số 01/2009, đăng ký ngày 12/5/2009, nên xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp với Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của bà N: Bà N trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do giữa bà N và ông T bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên gây tranh cãi. Dù đã cố gắng hòa giải nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nên vào năm 2018 ông T đã bỏ đi khỏi địa phương nơi cư trú. Theo yêu cầu của bà N, tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 326/2022/QĐST-DS ngày 16/8/2022 của Tòa án nhân dân Quận 8 đã tuyên bố ông Huỳnh Văn T mất tích. Vì vậy, xét yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Ánh N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[3.2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Có một con chung tên Huỳnh Nguyễn Anh B, sinh ngày 09/10/2014. Bà N có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Toà án đã tiến hành lấy ý kiến trẻ Anh B cũng thể hiện nguyện vọng muốn được sống chung với bà N.

Xét yêu cầu của chị N là phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung, hơn nữa ông T đã bị Toà án tuyên bố mất tích nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N: Giao trẻ Anh B cho bà N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, ghi nhận việc bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N tự khai giữa bà N và ông T không có tài sản chung và không nợ gì của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, nếu sau này có tranh chấp, các bên có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5, điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (Ly hôn) là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 207, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13;

Áp dụng:

- Các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ánh N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ánh N được ly hôn với ông Huỳnh Văn T;

2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Có một con chung tên: Huỳnh Nguyễn Anh B, sinh ngày 09/10/2014.

Giao con chung Huỳnh Nguyễn Anh B cho bà Nguyễn Thị Ánh N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong thời gian bà N trực tiếp nuôi con mà ông T trở về, nếu con chung chưa đủ 18 tuổi, khi cần thiết vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Trường hợp có tranh chấp, các bên có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm (Ly hôn) là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), bà Nguyễn Thị Ánh N phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0017491 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lương Duy Minh Chính

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADSQ8;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- VKSNDQ8;
- TAND TP.HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.